TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 245/2018/QĐDS-PT
Ngày: 06 - 7 -2018
V/v: "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần giải quyết việc dân sự.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**.

Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

Thư ký phiên họp: Bà **Trần Thị Thúy Hằng**–Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:*bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 89/2018//TLPT-VDS ngày 24/4/2018 về việc: "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án*".

Theo quyết định mở phiên họp số 132/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1967;

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1972; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2017)

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. **Trần Thanh T2** sinh năm: 1969;(có mặt)

2.2. **Trần Thanh L**, sinh năm: 1972;(có mặt)

2.3. **Trần Thị Thanh T3**, sinh năm: 1966; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Trần Thanh T2, Trần Thanh L, Trần Thị Thanh T3: Ông **Võ Huy T** – Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.(có mặt)

2.4. **Trương Thị Mỹ L2**, sinh năm: 1969;(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.5. **Trần Thanh T4**, sinh năm: 1994;(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.6. **Trần Thanh T5**, sinh năm: 1997;(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.7. **Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

Địa chỉ: Số B đường T, khu phố R, phường K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh D** – Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Mộng Th** – Chức vụ: Chấp hành viên. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2018).(vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm **Trần Thị Thanh T3, Trần Thanh T2, Trần Thanh L**.

4. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo án sơ thẩm.

- *Ông **Lê Ngọc T** trình bày*: Yêu cầu công nhận thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 153,9m^2 trên thửa đất số 93 là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Đ; Xác định ông Trần Thanh T2 có 01 kỷ phần thừa kế là 1/3 khối di sản của bà Phạm Thị Đ gồm: thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.Giang và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 153,9m^2 trên thửa đất số 93.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của Trần Thanh T2, Trần Thanh L, Trần Thị Thanh T3, ông **Võ Huy Tr** trình bày*: Yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ

giải quyết việc dân sự vì ông T không có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

- *Đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện C trình bày*: Ông T2 có chung quyền thừa kế thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấPa , xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 153,9m^2 trên thửa đất số 93 do bà Phạm Thị Đ (mẹ ruột ông T2) kê khai sổ bộ năm 2000, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chi cục thi hành án dân sự huyện C đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T, dựa vào kết quả giải quyết của Tòa án để tiến hành kê biên thi hành án bản án số 401/2013/DSPT ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Bà Trương Thị Mỹ L2, anh Trần Thanh T4, anh Trần Thanh T5 vắng mặt không có yêu cầu, ý kiến gì.

* Tại quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 02/2018/QĐDS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T.

Xác định thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 mái tone, nền gạch ceramic, vách tường, diện tích 153,9m^2 trên thửa đất 93 là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1934; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông Trần Thanh T2 được quyền sở hữu 01 kỷ phần thừa kế là 1/3 khối di sản trên của bà Phạm Thị Đ, thời gian sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, quyết định còn tuyên về lệ phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 07/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Trần Thanh T2, Trần Thanh L và Trần Thị Thanh T3 có đơn kháng cáo toàn bộ quyết định sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo hướng hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp phúc thẩm, ông Trần Thanh T2, Trần Thanh L và bà Trần Thị Thanh T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc dân sự.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trần Thị Thanh T3, Trần Thanh T2, Trần Thanh L có nhiều lập luận cho rằng việc Tòa sơ thẩm thụ lý việc dân sự là không đúng quy định pháp luật. Ông Lê Văn T không có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự. Phần đất trên cũng không phải tài sản chung. Do đó, đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự hủy quyết định sơ thẩm đình chỉ giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng giải quyết việc dân sựnghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng yêu cầu kháng cáo của ông T2, ông L và bà T3 là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng lệ phí dân sự phúc thẩm của bà Trần Thị Thanh T3, ông Trần Thanh L, ông Trần Thanh T2 nộp ghi ngày 07/02/2018 (BL 69, 70) còn trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 371, 372, 373 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa sơ thẩm xác định yêu cầu của ông Lê Ngọc T được thụ lý thành việc dân sự về việc "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án*" theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải việc dân sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trương Thị Mỹ L2, Trần Thanh T4, Trần Thanh T5 và đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự kể trên theo quy định tại khoản 3 Điều374 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng phúc thẩm nhận định như sau:

Căn cứ Bản án số 401/2013/DSPT ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Trần Thanh T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Ngọc T số tiền 379.366.000 đồng và lãi chậm thi hành án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T2 đã thi hành được số tiền 71.956.501 đồng, còn lại số tiền 325.409.499 đồng.

Sau khi xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục thi hành án dân sư huyện C đã xác định ông T có chung quyền thừa kế thửa đất số 93,diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số F, tọa lạc ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 153,9m^2 trên thửa đất số 93 do bà Phạm Thị Đ (mẹ ruột ông T2) kê khai sổ bộ năm 2000, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ công văn số 02/VBTL-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã L và biên bản xác minh điều kiện thi hành án của Chi cục thi hành án dân sư huyện C, xác định thửa đất số 93,diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của bà Phạm Thị Đ để lại (theo tài liệu 299 nằm trong thửa 2618, đất thổ cư tập trung). Đến năm 2000, bà Đ kê khai theo tài liệu đo đạc chính quy 301, số thửa 93, thửa đất trên sử dụng ổn định đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Đ chết, bà T3 làm thủ tục đứng tên kê khai nhưng hiện nay Chi cục thi hành án dân sư huyện C đã kê biên nên tạm thời chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Trên thửa đất nêu trên có căn nhà cấp 4, mái tone, nền gạch ceramic, vách tường có diện tích 153,9m^2 là tài sản của bà Phạm Thị Đ để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Như vậy, có đủ cơ sở xác định thửa đất số 93,diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 153,9m^2 trên thửa đất số 93 là di sản thừa kế của bà Đ để lại. Bà Đ có cha mẹ và chồng đều chết trước bà Đ. Bà Đ chết năm 2015, không để lại di chúc. Bà Đ có 03 người con ruột gồm: Trần Thanh T2, sinh năm: 1969, Trần Thanh L, sinh năm: 1972 và Trần Thị Thanh T3, sinh năm: 1966, ngoài ra bà Đ không có con nuôi nào khác. Ông Trần Thanh T2 là một trong 03 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, bà T3 và ông L đã nhận thông báo thụ lý việc dân sự nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông T. Tại phiên họp sơ thẩm, bà T3, ông T2 và ông L cũng thể hiện ý chí không khởi kiện phân chia di sản thừa kế, không yêu cầu tính công sức đóng góp cho việc quản lý di sản. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yều cầu của ông Lê Ngọc T. Xác định thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 mái tone, nền gạch ceramic, vách tường, diện tích 153,9m^2 trên thửa đất 93 là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Đ để lại. Ông Trần Thanh T2 được quyền sở hữu 01 kỷ phần thừa kế là 1/3 khối di sản trên của bà Phạm Thị Đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Tại phiên họp phúc thẩm, ông T2, bà T3 bà ông L không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó,

cần giữ quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Xét ý kiến của Luật sư trái với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng phúc thẩm nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T3, ông Trần Thanh T2 và ông Trần Thanh L.

Giữ quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐST-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T.

Xác định thửa đất số 93, diện tích 267,4m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 mái tone, nền gạch ceramic, vách tường, diện tích 153,9m^2 trên thửa đất 93 là di sản thừa kế của bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1934; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông Trần Thanh T2 được quyền sở hữu 01 kỷ phần thừa kế là 1/3 khối di sản trên của bà Phạm Thị Đ, thời gian sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật. (có sơ đồ kèm theo).

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp:

Bà Trần Thị Thanh T3, ông Trần Thanh T2 và ông Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí mà bà T3, ông T2 và ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 15277 ngày 08/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Xem như đã thi hành xong.

Ông Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 14960 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Xem như đã thi hành xong.

3. Quyết định giải quyết việc dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sâm Hương